

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1254/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THÚC ĐẨY CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA, CƠ CHẾ MỘT CỬA ASEAN, CẢI CÁCH CÔNG TÁC KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 30 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định thư về khung pháp lý để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN ký ngày 04 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 về việc ký Nghị định thư khung pháp lý Cơ chế một cửa ASEAN;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 93/TTr-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát:

- a) Tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.
- b) Tham gia và triển khai đầy đủ Cơ chế một cửa ASEAN theo đúng cam kết và lộ trình thực hiện của các nước ASEAN; sẵn sàng về mặt kỹ thuật để kết nối và trao đổi thông tin với các đối tác thương mại khác ngoài ASEAN theo các hiệp định, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- c) Toàn bộ các cơ quan Chính phủ liên quan trực tiếp và gián tiếp sử dụng thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải được kết nối và chia sẻ thông tin quản lý nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.
- d) Cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo nguyên tắc chỉ kiểm tra tại cửa khẩu đối với các mặt hàng tác động đến an toàn xã hội, an ninh quốc gia, môi trường đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, phải kiểm dịch hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân. Đối với các mặt hàng khác, việc kiểm tra về chất lượng, hợp chuẩn, hợp quy chuyển sang hậu kiểm hoặc dựa trên đánh giá mức độ tuân thủ doanh nghiệp, mức độ rủi ro của hàng hóa theo từng thời kỳ và phải dựa trên hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể; trường hợp không thể ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thì phải có phương pháp kiểm tra công khai, minh bạch.

2. Mục tiêu cụ thể:

- a) Đến hết năm 2019, triển khai các thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia có số lượng giao dịch nhiều, tác động lớn tới hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức và người dân đạt ít nhất 80% tổng số các thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Đến hết năm 2020, hoàn thành triển khai tất cả các thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

- b) Tiếp tục giữ vị trí ngang bằng với nhóm 04 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN về thời gian thông quan và giải phóng hàng hóa, người và phương tiện liên quan tới các thủ tục hành chính một cửa.

- c) Đến năm 2020, 100% các thủ tục hành chính thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia thu phí, lệ phí bằng phương thức điện tử.

d) Các chứng từ điện tử (giấy phép điện tử, giấy chứng nhận điện tử và các giấy tờ điện tử tương đương) được cấp thông qua Cơ chế một cửa quốc gia được sử dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính khác có liên quan.

đ) Thực hiện trao đổi và công nhận lẫn nhau về các chứng từ thương mại được cấp dưới dạng điện tử với các nước ASEAN và các trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

e) Hoàn thiện về cơ chế quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới.

g) Năm 2018 và các năm tiếp theo, tiếp tục cắt giảm và đơn giản hóa danh mục hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải quản lý và kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan; cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, giảm số lô hàng nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu xuống dưới 10%.

h) Năm 2019, trình Quốc hội Đề án thí điểm thực hiện cơ chế bảo lãnh thông quan đối với một số mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.

i) Năm 2019, tất cả các lô hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành trước thông quan phải có đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chí kiểm tra.

II. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý:

a) Xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu với những mục tiêu cụ thể sau:

- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc sử dụng, trao đổi chứng từ điện tử, hồ sơ điện tử đối với thủ tục hành chính trong nước và các nước, khối - cộng đồng kinh tế.

- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan chính phủ trên nền tảng Công thông tin một cửa quốc gia để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

- Tạo thuận lợi thương mại hàng hóa qua biên giới thông qua áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trên cơ sở phân tích thông tin đánh giá mức độ rủi ro, sự tuân thủ trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; đẩy mạnh kiểm tra sau thông quan.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Nghị định, quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện xuất nhập cảnh, quá cảnh theo hướng: Cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết; đơn giản hóa quy trình

thực hiện thủ tục hành chính; đơn giản hóa bộ hồ sơ, chứng từ cần phải nộp hoặc xuất trình theo hướng áp dụng tối đa chứng từ điện tử; sử dụng lại các thông tin, chứng từ điện tử, quyết định hành chính thuộc thành phần hồ sơ đã được lưu trữ trên hệ thống một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia thay cho việc yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức nộp hoặc xuất trình các thông tin, chứng từ, quyết định hành chính đó.

c) Xây dựng và công bố bộ dữ liệu quốc gia về biểu mẫu, chứng từ điện tử trong lĩnh vực hành chính và thương mại để áp dụng chung cho tất cả các thủ tục hành chính thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

d) Tạo cơ sở pháp lý cho việc thuê dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ do bên thứ ba cung cấp để đưa ra các tiện ích cho cả doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, kiểm tra chuyên ngành.

đ) Xây dựng Đề án thí điểm thực hiện cơ chế bảo lãnh thông quan đối với một số mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.

e) Xây dựng Nghị định của Chính phủ về việc kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chính phủ với các bên liên quan thông qua Cơ chế một cửa quốc gia để phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa với những nội dung chủ yếu sau:

- Kết nối, chia sẻ thông tin quản lý về các đối tượng tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa;

- Kết nối, chia sẻ thông tin về giao dịch thanh toán, bảo hiểm khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa;

- Kết nối, chia sẻ thông tin về nộp thuế, hoàn thuế.

g) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý, kiểm tra chuyên ngành; điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để sửa đổi, bổ sung theo hướng: Thống nhất đầu mối quản lý, kiểm tra; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, áp dụng quản lý rủi ro, công nhận lẫn nhau, đề cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

h) Rà soát các văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chí kiểm tra chuyên ngành để sửa đổi, bổ sung theo hướng công khai, minh bạch; khuyến khích việc xã hội hóa các hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

2. Xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN theo hướng:

a) Xử lý tập trung thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, trên nền tảng công nghệ tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 nhằm đáp ứng tiến độ triển khai theo cam kết của Chính phủ, tiết kiệm và đảm bảo hiệu quả đầu tư, tận dụng nguồn lực cũng như tăng cường khả năng bảo mật, an toàn thông tin.

b) Sẵn sàng về mặt kỹ thuật để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN theo lộ trình và đảm bảo trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối - cộng đồng kinh tế; giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp nhằm tạo thuận lợi thương mại và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia.

c) Thí điểm thuê dịch vụ của bên thứ ba trong cung cấp các tiện ích cho doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN.

3. Đào tạo, tuyên truyền và hỗ trợ.

a) Xây dựng tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; xây dựng cơ chế và tổ chức hỗ trợ người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

b) Các bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN.

c) Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia Cơ chế một cửa quốc gia; tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn cho công chức thuộc các bộ, ngành thực hiện xử lý thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về cơ chế một cửa quốc gia.

4. Xây dựng và triển khai Đề án tổng thể quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nhằm mục đích kết nối các cơ quan chính phủ và các bên trong chuỗi cung ứng (bao gồm: các ngân hàng thương mại, bảo hiểm, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics,...) liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên nền Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, bao gồm:

a) Hoàn thiện chính sách quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính nhằm quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Thiết lập cơ chế thanh toán, bảo lãnh và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giao dịch và thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Xây dựng và thiết lập cơ chế giám sát, báo cáo và đánh giá độc lập sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của các bộ, ngành theo chương trình, Kế hoạch của Chính phủ thông qua việc công bố ấn phẩm về các báo cáo thường niên liên quan đến đo lường thời gian thực hiện các thủ tục hành chính và thông quan hải quan; đánh giá mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các dịch vụ công thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

III. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Đến năm 2020, thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN và trao đổi, xử lý chứng từ thương mại với các nước, khối - cộng đồng kinh tế, bao gồm:

a) Triển khai Cơ chế một cửa ASEAN theo đúng lộ trình đề ra; thực hiện trao đổi thông tin với Liên minh kinh tế Á Âu và các đối tác thương mại khác theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

b) Cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, giấy phép rời cảng đường biển bằng phương thức điện tử đáp ứng mục tiêu tạo thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa;

c) Mở rộng việc trao đổi một số chứng từ điện tử trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia để tạo thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Thực hiện Cơ chế một cửa trong nước giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020: Triển khai, mở rộng dịch vụ công mức độ 4 tại các cửa khẩu quốc gia, quốc tế trên phạm vi toàn quốc đối với các thủ tục hành chính nêu tại Danh mục thủ tục hành chính triển khai qua Cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Cải cách công tác kiểm tra, quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

a) Quý II năm 2019, hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, gồm:

- Rà soát, cắt giảm tối đa danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan, nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu về quản lý của cơ quan nhà nước và chống buôn lậu, gian lận thương mại; chỉ kiểm tra chuyên ngành trước thông quan đối với những hàng hóa có nguy cơ rủi ro cao gây mất an toàn, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, cho an ninh quốc gia.

- Không quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan chuyên ngành để thông quan đối với hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành sau thông quan.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, cơ quan trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa kiểm tra sau thông quan, đảm bảo đơn giản về thủ tục, thuận lợi trong thực hiện.

b) Xây dựng, hoàn thiện văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành:

- Tháng 9 năm 2018, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Các bộ, ngành rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo đúng tiến độ, thời hạn tại Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Các bộ, ngành rà soát, loại bỏ ngay những quy định chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến kiểm tra chuyên ngành theo hướng một mặt hàng chỉ điều chỉnh bởi một văn bản và do một đơn vị thuộc bộ, ngành mình chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra.

- Quy định đối tượng miễn kiểm tra chuyên ngành trước thông quan vào dự thảo Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Quý II năm 2019, các bộ, ngành phải hoàn thành việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ kiểm tra chuyên ngành (trường hợp không ban hành được tiêu chuẩn, quy chuẩn thì phải công bố chỉ tiêu, phương pháp kiểm tra), trong đó:

+ Bộ Y tế có 2/6 nhóm sản phẩm, hàng hóa kiểm tra nhà nước về chất lượng.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường có 18/36 nhóm sản phẩm, hàng hóa kiểm tra về điều kiện phế liệu nhập khẩu.

+ Bộ Công Thương có 1/8 nhóm sản phẩm, hàng hóa kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 1/40 nhóm sản phẩm, hàng hóa kiểm dịch động vật.

Chi tiết Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra chuyên ngành tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Quý IV năm 2018, các bộ, ngành rà soát, ban hành đầy đủ Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Thực hiện điện tử hóa thủ tục (nộp hồ sơ, trả kết quả...) kiểm tra chuyên ngành; kết nối chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức quản lý, kiểm tra chuyên ngành với Cổng thông tin một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN, đảm bảo rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo mục tiêu, lộ trình triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN đã đề ra.

- Quý IV năm 2019, các bộ, ngành phải hoàn thành việc rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng áp dụng phương pháp quản lý rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; thực hiện công nhận lẫn nhau; ưu tiên và tạo thuận

lợi đối với các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được.

d) Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành; xã hội hóa hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

- Quý IV năm 2019, các bộ, ngành phải hoàn thành việc rà soát, xây dựng ban hành điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, trình tự thủ tục công nhận các tổ chức, cơ quan, thương nhân được thực hiện các hoạt động đánh giá sự phù hợp, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu..

- Quý II năm 2019, các bộ, ngành phải hoàn thành việc rà soát, bổ sung hoặc sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng cơ quan nhà nước chỉ thực hiện quản lý, giám sát còn việc kiểm tra, kiểm định, giám định chuyển cho các tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định thực hiện.

đ) Triển khai cơ chế bảo lãnh thông quan:

- Năm 2018 và năm 2019, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội phê duyệt Đề án thí điểm thực hiện cơ chế bảo lãnh thông quan và triển khai thực hiện Đề án.

4. Triển khai thực hiện Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch chuẩn bị và triển khai thực hiện Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

5. Xây dựng và triển khai Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Năm 2019: Hoàn thiện Đề án; xây dựng và ban hành các quy định về chính sách quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; các thủ tục hành chính, cơ chế thanh toán, bảo lãnh.

b) Năm 2020: Triển khai thực hiện Đề án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại (sau đây gọi tắt là Ủy ban 1899) chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Quyết định này; định kỳ 06 tháng và hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Các bộ, cơ quan thuộc Ủy ban 1899:

a) Căn cứ Quyết định này, trong tháng 9 năm 2018 hoàn thành việc ban hành Kế hoạch chi tiết của bộ, cơ quan mình, báo cáo Ủy ban 1899 (Cơ quan thường trực) trước ngày 05 tháng 10 năm 2018;

b) Chủ động rà soát các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bộ, ngành mình quản lý, theo dõi để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

c) Xây dựng dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định này, trong đó phân định rõ nguồn kinh phí thực hiện. Đối với phần kinh phí từ ngân sách nhà nước, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành mình gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với nguồn vốn đầu tư phát triển) tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công;

d) Phối hợp với Cơ quan thường trực Ủy ban 1899 xây dựng phương án triển khai hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN phù hợp với tình hình, hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của các bộ, ngành mình đảm bảo đúng tiến độ, quy định đề ra;

đ) Trước ngày 05 hàng tháng, báo cáo tiến độ, tình hình thực hiện Kế hoạch của bộ, ngành mình gửi Cơ quan thường trực để tổng hợp, báo cáo Ủy ban 1899. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo quy định tại Quy chế làm việc của Ủy ban 1899.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành:

a) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2018, đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải pháp nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong triển khai Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan nhằm đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư trong lĩnh vực này.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan bố trí vốn đầu tư công, vốn chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu chính phủ (nếu có), vốn ODA để thực hiện Kế hoạch tại Quyết định này.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách quản lý các giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nêu tại điểm a khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định này.

6. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách về kết nối giữa các cơ quan chính phủ với các doanh nghiệp logistics.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan liên quan xây dựng cơ chế thanh toán, bảo lãnh điện tử liên quan đến các giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới nêu tại điểm c khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định này.

8. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì, phối hợp với Cơ quan thường trực Ủy ban 1899 và các hiệp hội liên quan triển khai nội dung nêu tại khoản 5 Mục II Điều 1 Quyết định này.

9. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2018 - 2020 tại Quyết định này;

b) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong việc xử lý các thủ tục hành chính có từ 2 cơ quan trở lên cùng tham gia giải quyết;

c) Trình cấp có thẩm quyền bố trí hỗ trợ kinh phí thường xuyên để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Xây dựng và triển khai Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới nêu tại khoản 4 Mục II Điều 1 Quyết định này;

đ) Xây dựng Đề án thí điểm thực hiện cơ chế bảo lãnh thông quan đối với một số mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành;

e) Xây dựng Nghị định của Chính phủ về việc kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chính phủ với các bên liên quan thông qua Cơ chế một cửa quốc gia để phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa.

10. Cơ quan thường trực Ủy ban 1899 chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan:

a) Xây dựng, trình Ủy ban 1899 phê duyệt phương án triển khai hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN phù hợp với tình hình, hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của các bộ, ngành bảo đảm đúng tiến độ đề ra và quy định của pháp luật.

b) Đề xuất và tổ chức triển khai phương án dự phòng, sao lưu, an ninh, an toàn, bảo mật và các nội dung liên quan khác đảm bảo cho việc vận hành, duy trì và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất đáp ứng yêu cầu triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN.

c) Xây dựng bộ dữ liệu quốc gia về biểu mẫu và chứng từ điện tử trong lĩnh vực hành chính và thương mại để áp dụng chung cho tất cả các thủ tục hành chính thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

d) Triển khai mở rộng Đề án quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh theo các loại hình vận chuyển đường biển, đường bộ, đường không và các hình thức vận tải đa phương thức; kết nối với Bộ Giao thông vận tải để trao đổi, chia sẻ thông tin định vị đối với phương tiện vận tải đường biển, đường bộ.

đ) Trước ngày 10 hàng tháng, tổng hợp tình hình, tiến độ thực hiện Kế hoạch của các bộ, ngành, báo cáo Ủy ban 1899. Định kỳ, lập Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch 6 tháng và hàng năm của Ủy ban 1899 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). PC205

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục thủ tục hành chính triển khai qua Cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2018 - 2020
2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung
3. Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra chuyên ngành

4. Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRIỂN KHAI QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRIỂN KHAI MỚI THÔNG QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA TRONG NĂM 2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
I. BỘ CÔNG AN		
1	Cấp giấy phép mang pháo hoa, thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa vào Việt Nam tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an	12/2018
2	Cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với trường hợp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để xuất khẩu tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.	12/2018
II. BỘ CÔNG THƯƠNG		
1	Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất thuốc nổ	12/2018
2	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu) tiền chất công nghiệp	12/2018
3	Thủ tục nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	12/2018
4	Thủ tục đề nghị cấp văn bản chấp thuận tham gia thí điểm tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN	12/2018
5	Thủ tục thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá	12/2018
III. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
1	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam	Quý III/2018
2	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam do hết hạn	Quý III/2018
3	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam do hư hỏng	Quý III/2018
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam do mất mát	Quý III/2018
5	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	Quý III/2018

6	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) do hết hạn	Quý III/2018
7	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) do hư hỏng	Quý III/2018
8	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) do mất mát	Quý III/2018
9	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào	Quý III/2018
10	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do hết hạn	Quý III/2018
11	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do hư hỏng	Quý III/2018
12	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại; phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào do mất mát	Quý III/2018
13	Chấp thuận đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Quý III/2018
14	Chấp thuận bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Quý III/2018
15	Chấp thuận thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Quý III/2018
16	Chấp thuận ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Quý III/2018
17	Chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào	Quý III/2018
18	Cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
19	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do hết hạn	Quý III/2018
20	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do hư hỏng	Quý III/2018
21	Cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do mất mát	Quý III/2018
22	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện thương mại	Quý III/2018

23	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do hết hạn	Quý III/2018
24	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do hư hỏng	Quý III/2018
25	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thương mại do mất mát	Quý III/2018
26	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại	Quý III/2018
27	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại do hư hỏng	Quý III/2018
28	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại do mất mát	Quý III/2018
29	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
30	Bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
31	Thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
32	Ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
33	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia	Quý III/2018
34	Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ	Quý III/2018
35	Cấp Giấy phép vận tải loại A, E; loại B, C, F, G lần đầu trong năm	Quý III/2018
36	Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, E do hết hạn	Quý III/2018
37	Cấp lại Giấy phép vận tải loại B, C, F, G do hết hạn	Quý III/2018
38	Cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm	Quý III/2018
39	Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, D, E do hư hỏng, mất mát	Quý III/2018
40	Cấp Giấy giới thiệu cấp giấy phép loại vận tải loại D đối với phương tiện của Việt Nam	Quý III/2018
41	Cấp Giấy phép vận tải loại D đối với phương tiện vận tải của Trung Quốc	Quý

		III/2018
42	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Quý III/2018
43	Chấp thuận bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Quý III/2018
44	Chấp thuận thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Quý III/2018
45	Cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại	Quý IV/2018
46	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại do hết hạn	Quý IV/2018
47	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại do hư hỏng	Quý IV/2018
48	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại do mất mát	Quý IV/2018
49	Cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại	Quý IV/2018
50	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại do hết hạn	Quý IV/2018
51	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại do hư hỏng	Quý IV/2018
52	Cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại do mất mát	Quý IV/2018
53	Chấp thuận khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	Quý IV/2018
54	Cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS	Quý IV/2018
55	Cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS do hết hạn	Quý IV/2018
56	Cấp lại giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS do bị mất	Quý IV/2018
57	Cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (của doanh nghiệp, HTX đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế)	Quý IV/2018
58	Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (của doanh nghiệp, HTX đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế) do hết hạn	Quý IV/2018
59	Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (của doanh nghiệp, HTX đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế) do hư hỏng	Quý IV/2018

60	Cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (của doanh nghiệp, HTX đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế) do mất mát	Quý IV/2018
61	Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS và thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS tại Việt Nam	Quý IV/2018
62	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Quý IV/2018
63	Gia hạn giấy phép liên vận và thời gian lưu hành đối với phương tiện của Campuchia lưu trú tại Việt Nam	Quý IV/2018
64	Gia hạn giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Quý IV/2018
65	Gia hạn giấy phép liên vận CLV đối với phương tiện của Lào, Campuchia tại Việt Nam	Quý IV/2018

IV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (nhập khẩu chất phóng xạ)	12/2018
2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xuất khẩu chất phóng xạ)	12/2018

V. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Kiểm tra giảm chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có thời hạn	12/2018
2	Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có thời hạn	12/2018
3	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp	12/2018
4	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen	12/2018
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan	12/2018
6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	12/2018
7	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	12/2018
8	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y	12/2018
9	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	12/2018
10	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	12/2018

VI. BỘ QUỐC PHÒNG

1	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài chuyển cảng đi tại cửa khẩu cảng	12/2018
2	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài chuyển cảng đến tại cửa khẩu cảng	12/2018

3	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam theo tuyến quá cảnh quy định tại Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy	12/2018
4	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang quốc tịch của quốc gia có chung biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu cảng thuộc khu vực biên giới của Việt Nam với quốc gia đó.	12/2018
5	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi	12/2018
6	Thủ tục cấp, tạm dừng và hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đối với người làm thủ tục	12/2018

VII. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất - cấp trung ương	Quý III/2018
2	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất - cấp trung ương	Quý III/2018
3	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Quý III/2018
4	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trong trường hợp giấy xác nhận hết hạn)	Quý III/2018
5	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (trong trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng) - cấp trung ương	Quý III/2018
6	Chấp thuận nhập khẩu mẫu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để phân tích	Quý III/2018
7	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất - cấp tỉnh	Tháng 12/2018
8	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn) - cấp tỉnh	Tháng 12/2018
9	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế	Tháng

	liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng) - cấp tỉnh	12/2018
10	Cho phép nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất	Tháng 11/2018
11	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Tháng 10/2018
12	Thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu	Quý III/2018

VIII. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1	Cấp giấy xác nhận đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh	12/2018
---	--	---------

IX. BỘ Y TẾ

1	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt đã được cấp phép nhập khẩu để phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo nhưng không sử dụng hết	12/2018
2	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ	12/2018
3	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phóng xạ, thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, làm mẫu đăng ký	12/2018
4	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phóng xạ; thuốc và dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc; nguyên liệu độc làm thuốc	12/2018
5	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để viện trợ, viện trợ nhân đạo	12/2018
6	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam	12/2018
7	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc dùng cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng tại Việt Nam, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học	12/2018
8	Cấp giấy phép nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	12/2018
9	Cấp giấy phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt	12/2018
10	Cấp giấy phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để sản xuất thuốc xuất khẩu, trừ nguyên liệu phải kiểm	12/2018

	soát đặc biệt	
11	Cấp giấy phép nhập khẩu dược chất, bán thành phẩm thuốc, dược liệu, bán thành phẩm dược liệu để sản xuất thuốc đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh, đáp ứng nhu cầu phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, trừ nguyên liệu phải kiểm soát đặc biệt	12/2018
12	Cấp giấy phép nhập khẩu tá dược, vỏ nang, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, chất chuẩn	12/2018
13	Cấp giấy phép nhập khẩu dược liệu không sử dụng làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu thuốc, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ, sản xuất thuốc xuất khẩu, sản xuất thuốc phục vụ yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa	12/2018
14	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	12/2018
15	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	12/2018
16	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với trang thiết bị y tế đã có số lưu hành	12/2018
17	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	12/2018
18	Cấp mới số lưu hành đối với trang thiết bị y tế chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	12/2018
19	Gia hạn số lưu hành trang thiết bị y tế	12/2018
20	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	12/2018
21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu phục vụ mục đích viện trợ	12/2018
22	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu là quà biếu, cho, tặng	12/2018
23	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm và phương pháp sử dụng phù hợp	12/2018

X. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1	Thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép	Quý IV/2018
---	---	-------------

XI. LIÊN NGÀNH: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CHỦ TRÌ, BỘ TÀI CHÍNH, BỘ QUỐC PHÒNG, BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, BỘ Y TẾ PHỐI HỢP

1	Thủ tục tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Quý III/2018
---	--	--------------

2	Thủ tục tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi	Quý III/2018
3	Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Quý III/2018
4	Thủ tục tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Quý III/2018
5	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	Quý III/2018
6	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Quý III/2018
7	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam - Campuchia vào cảng thủy nội địa	Tháng 11/2018
8	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam - Campuchia rời cảng, bến thủy nội địa	Tháng 11/2018
9	Thủ tục tàu biển Việt Nam và nước ngoài nhập cảnh tại cảng thủy nội địa	Quý III/2018
10	Thủ tục tàu biển Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh tại cảng thủy nội địa	Quý III/2018

XII. BỘ TÀI CHÍNH CHỦ TRÌ, BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI PHỐI HỢP

1	Quản lý, giám sát tự động đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh theo các loại hình vận chuyển đường biển, đường bộ, đường không và các hình thức vận tải đa phương thức; kết nối với Bộ Giao thông vận tải để trao đổi, chia sẻ thông tin định vị đối với phương tiện vận tải đường biển, đường bộ.	Tháng 12/2018
	Tổng số thủ tục thực hiện: 138 thủ tục	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRIỂN KHAI THÔNG QUA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
I. BỘ CÔNG AN		
1	Cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào lãnh thổ Việt Nam tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an	2019 - 2020
2	Cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã	2019 -

	hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an	2020
II. BỘ CÔNG THƯƠNG		
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương	2019 - 2020
2	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	2019 - 2020
3	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	2019 - 2020
4	Thủ tục chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	2019 - 2020
5	Thủ tục chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	2019 - 2020
6	Thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	2019 - 2020
III. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	2019
2	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu.	2019
3	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu	2019
4	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.	2019
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu	2019
6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	2019
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	2019
8	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc Thú y nhập khẩu	2019 - 2020
9	Cấp phép xuất khẩu nguồn gen cây trồng	2019 - 2020
10	Cấp phép nhập khẩu nguồn gen cây trồng	2019 - 2020

IV. BỘ QUỐC PHÒNG

1	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến cửa khẩu cảng	2019
2	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa rời cửa khẩu cảng	2019
3	Thủ tục biên phòng điện tử trong việc cấp thị thực cho nhân viên phương tiện, hành khách tại các cửa khẩu	2019
4	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc	2019
5	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Lào nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Lào	2019
6	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	2019
7	Thủ tục biên phòng điện tử đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền	2019
8	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Trung Quốc	2019
9	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Lào	2019
10	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Campuchia	2019
11	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Trung Quốc	2019
12	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Lào	2019
13	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Campuchia	2019

V. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1	Cho phép vận chuyển quá cảnh sinh vật biến đổi gen, sản phẩm sinh vật biến đổi gen chưa được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen phải bóc dỡ xuống cảng.	2018 - 2020
---	--	-------------

VI. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	2019 -
---	--	--------

		2020
2	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in	2019 - 2020
3	Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	2019 - 2020
VII. BỘ Y TẾ		
1	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc	2019 - 2020
2	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, làm mẫu đăng ký	2019 - 2020
3	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc có chứa dược chất chưa có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, thuốc có chứa dược liệu lần đầu sử dụng tại Việt Nam	2019 - 2020
4	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc có chứa dược chất đã có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu điều trị, thuốc có chứa dược liệu đã từng sử dụng làm thuốc tại Việt Nam nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu điều trị	2019 - 2020
5	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu cấp bách cho quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa	2019 - 2020
6	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc có hiệu quả vượt trội trong điều trị so với thuốc đang lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa có thuốc khác thay thế, đã được lưu hành tại nước sản xuất hoặc nước tham chiếu là nước thành viên ICH hoặc Australia, có đầy đủ dữ liệu lâm sàng về an toàn, hiệu quả theo quy định về đăng ký thuốc của Bộ trưởng Bộ Y tế và được Hội đồng tư vấn cấp Giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đề xuất sử dụng	2019 - 2020
7	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc hiếm	2019 - 2020
8	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc sử dụng cho mục đích cấp cứu, chống độc mà không có cùng hoạt chất và đường dùng với thuốc đang lưu hành tại Việt Nam, vắc xin dùng cho một số trường hợp đặc biệt với số lượng sử dụng hạn chế do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định trên cơ sở có dữ liệu đạt yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, độ an toàn	2019 - 2020
9	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc có cùng tên thương mại, thành phần hoạt chất,	2019 -

	hàm lượng hoặc nồng độ, dạng bào chế với biệt dược gốc có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, được sản xuất bởi chính nhà sản xuất biệt dược gốc hoặc bởi nhà sản xuất được ủy quyền, có giá thấp hơn so với thuốc biệt dược gốc lưu hành tại Việt Nam	2020
10	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc phục vụ cho chương trình y tế của Nhà nước	2019 - 2020
11	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo	2019 - 2020
12	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất để trưng bày tại các triển lãm, hội chợ liên quan đến y, dược, thiết bị y tế để tham gia trưng bày tại các triển lãm, hội chợ	2019-2020
13	Cấp đơn hàng nhập khẩu dược liệu	2019 - 2020
14	Cấp giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm	2020
XIII. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM		
1	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	2019 - 2020
2	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng	2019 - 2020
3	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam	2019 - 2020
4	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	2019 - 2020
IX. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
1	Nhập khẩu tác phẩm điện ảnh	2018 - 2019
2	Nhập khẩu tác phẩm mỹ thuật; tác phẩm nhiếp ảnh	2018 - 2019
3	Nhập khẩu sản phẩm nghe nhìn khác (không phải là tác phẩm điện ảnh; tác phẩm nghệ thuật biểu diễn: Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc sân khấu có các loại hình nghệ thuật biểu diễn thời trang, người đẹp, thể thao)	2018 - 2019
4	Nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	2018 - 2019
5	Xuất khẩu di vật, cổ vật	2018 - 2019
X. PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM		

1	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không ưu đãi	2020
Tổng số TTHC triển khai mới trong giai đoạn 2019 - 2020: 59 TTHC		

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, KIỂM TRA CHUYÊN
NGÀNH PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành
I. BỘ CÔNG THƯƠNG					
1	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017	Quy định về quản lý hóa chất	- Tiền chất công nghiệp được cụ thể hóa theo tên gọi, mã số HS, công thức hóa học nêu tại Phụ lục 1 Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ban hành kèm Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, danh mục này chỉ tương ứng với chất ở dạng đơn lập. Như vậy, trong thực tế phát sinh trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hỗn hợp dung dịch hóa chất có chứa tiền chất công nghiệp phải xin Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP. Trong khi, mã số HS của hỗn hợp dung dịch này khác với mã số HS của các thành phần tiền chất công nghiệp chứa trong hỗn hợp và không thuộc Danh mục tiền chất công nghiệp. Khái niệm hàng hóa chứa tiền chất không được định danh trong các văn bản pháp quy liên quan, trong thực tế có rất nhiều mặt hàng chứa tiền chất, ví dụ: - Axid Sufuric có trong bình ắc	Bộ Công Thương nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2017/NĐ-CP theo hướng: trường hợp quy định hỗn hợp hóa chất chứa tiền chất công nghiệp nhập khẩu phải có giấy phép nhập thì phải quy định cụ thể tại Nghị định và ban hành Danh mục cụ thể hỗn hợp hóa chất chứa tiền chất phải có Giấy phép nhập khẩu kèm mã số HS để có cơ sở pháp lý cho các đơn vị thực thi đối chiếu, thực hiện thống nhất.	Quý IV/2018

			quy chì. - Acetone được sử dụng trong các chất tẩy rửa, dụng cụ làm sạch, dùng để pha keo epoxy 2 thành phần, sơn và vecni. Căn cứ Điều 26 Luật Hải quan, Điều 16 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ, Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/1/2015, việc phân loại hàng hóa để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam làm cơ sở tính thuế và áp dụng chính sách quản lý mặt hàng tương ứng. Trường hợp hàng hóa là hỗn hợp hóa chất có chứa tiền chất nhưng tên hàng và mã số HS không có trong Danh mục tiền chất công nghiệp thì cơ quan quản lý chưa đủ cơ sở để yêu cầu xuất trình giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng đó.		
2	- Quyết định 24/2018/QĐ-TTg ngày 28/5/2018; - Quyết định 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/03/2017	Kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu	Hiện nay, hàng hóa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 28/5/2018 và Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Tại điểm đ khoản 1 Mục III Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ chỉ đạo rõ “chuyển thời điểm kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chất lượng hàng hóa, hiệu suất năng lượng, an toàn thực phẩm trong giai đoạn thông quan sang kiểm tra sau khi hàng hóa đã được thông quan (trừ kiểm dịch đối với trường hợp mặt hàng nhập khẩu có nguy cơ cao theo quy định của Bộ Nông	Bộ Công Thương không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp chứng từ liên quan đến kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng, kể cả bản đăng ký kiểm tra hiệu suất năng lượng có xác nhận của cơ quan chức năng do Bộ Công Thương chỉ định cho cơ quan hải quan; giao các cơ quan quản lý hàng hóa lưu thông trên thị trường kiểm tra việc chấp hành các quy định	Quý IV/2018

			ng nghiệp và Phát triển nông thôn)”. Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính thống nhất chuyển thời điểm kiểm tra hiệu suất năng lượng thực hiện sau thông quan, tuy nhiên vẫn quy định doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục kiểm tra hiệu suất năng lượng nộp chứng từ kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng khi làm thủ tục thông quan. Việc doanh nghiệp nộp chứng từ kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục chuyên ngành trong quá trình nhập khẩu hàng hóa.	pháp luật đối với hàng hóa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu của doanh nghiệp.	
3	Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016	Quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	1. Khoản 2 và 3 Điều 15 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định “Sử dụng vật liệu cách nhiệt phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, thừa nhận áp dụng nhằm hạn chế truyền nhiệt qua tường, mái nhà, cửa ra vào và cửa sổ; sử dụng và lắp đặt các phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao được thiết kế, sản xuất phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, thừa nhận áp dụng”. Tuy nhiên đến nay, Bộ Công Thương chưa ban hành quy định công nhận tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng, dẫn tới một lượng lớn mặt hàng nhập khẩu có tiêu chuẩn cao (công nghệ LED với trang thiết bị chiếu sáng, inveter thiết bị lạnh, ExdII đối với	1. Bộ Công Thương ban hành quy định công nhận tiêu chuẩn nước ngoài về mức hiệu suất năng lượng. 2. Miễn kiểm tra hiệu suất năng lượng đối với mặt hàng động cơ điện nhập khẩu để thay thế cho động cơ trong máy móc, dây chuyền sản xuất. 3. Miễn kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với các mặt hàng được tích hợp trong các máy móc thuộc dây chuyền sản xuất.	Quý IV/2018

			thiết bị phòng nổ, tiêu chuẩn ISO của các hãng nổi tiếng...) 2. Đối với mặt hàng động cơ điện nhập khẩu để thay thế cho động cơ trong máy móc, dây chuyền sản xuất khi nhập vẫn phải kiểm tra hiệu suất năng lượng. 3. Một số mặt hàng thuộc đối tượng kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu nhưng được tích hợp trong các máy móc thuộc dây chuyền sản xuất (ví dụ động cơ điện) chưa có quy định cụ thể có phải kiểm tra hiệu suất năng lượng hay không. Do vậy, mỗi lần nhập khẩu các mặt hàng này, doanh nghiệp phải gửi hồ sơ lên Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương để xác nhận có phải kiểm tra hay không.		
4	Quyết định số 4755/QĐ-BCT ngày 21/12/2017	Về việc công bố Danh mục sản phẩm hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra việc đảm bảo chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm trước khi thông quan thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương	Tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP phân công Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. Hiện Bộ Công Thương chưa ban hành Danh mục các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP mà vẫn đang áp dụng theo Quyết định số 4755/QĐ-BCT (được ban hành theo Nghị định số 38/2012/NĐ-CP nay đã hết hiệu lực).	Bộ Công Thương ban hành các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Quý IV/2018
5	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017	Về kinh doanh rượu	Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP quy định: “2. Rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và đăng ký bản công bố phù hợp quy định	Bộ Công Thương nghiên cứu sửa đổi quy định này theo hướng: Bỏ quy định tại	Quý IV/2018

			an toàn thực phẩm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban hành và có hiệu lực”. Quy định này không phù hợp do không có các chỉ tiêu làm cơ sở công bố. Điều 30 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP quy định: “Rượu nhập khẩu phải được cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm nhập khẩu (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật). Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định một số điều của Luật An toàn thực phẩm quy định việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm (không còn quy định về việc cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm nhập khẩu)	khoản 2 Điều 5. Trường hợp vẫn duy trì quy định này thì phải ban hành chỉ tiêu để làm cơ sở cho việc công bố. Bộ Công Thương nghiên cứu sửa đổi nội dung này cho phù hợp với Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định một số điều của Luật An toàn thực phẩm.	
II. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
1	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017	Về quản lý phân bón	1. Tại Điều 30 Nghị định số 108/2017/NĐ-CP quy định: Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu là Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, thực tế, Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra. Việc này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng không đúng với quy định tại Nghị định. 2. Theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 3 Nghị định số	Bộ NN&PTNT nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2017/NĐ-CP theo hướng: 1. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu là các tổ chức do Cục Bảo vệ thực vật - Bộ NN&PTNT ủy quyền/chỉ định.	Quý II/2019

			108/2017/NĐ-CP, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu phân bón ở dạng hàng xá, hàng rời nếu thực hiện việc đóng gói hàng hóa vào bao gói tại cảng sau khi dỡ hàng từ phương tiện vận chuyển xuống để vận chuyển về kho của doanh nghiệp thì được coi là hoạt động sản xuất phân bón và phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Tuy nhiên, do điều kiện kho, bãi tại cảng không thể đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này nên các doanh nghiệp thực hiện việc đóng gói phân bón tại cảng không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật (Bộ NN&PTNT) đã có công văn số 2721/BVTV-QLPB ngày 15/11/2017 gửi Tổng cục Hải quan cho phép các doanh nghiệp được thực hiện việc đóng gói phân bón tại khu vực kho, bãi, cảng, không phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. 3. Theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 108/2017/NĐ-CP thì việc kiểm tra nhà nước về chất lượng được áp dụng đối với từng lô phân bón nhập khẩu. Theo đó, các lô phân bón nhập khẩu đều phải kiểm tra.	2. Cho phép doanh nghiệp được thực hiện đóng gói phân bón tại cảng mà không cần Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. 3. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu, không kiểm tra đối với từng lô hàng nhập khẩu.	
2	Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	1. Tại mục 14 Phần III Nghị quyết 19-2018/NQ-CP nêu: khái niệm “sản phẩm động vật” tại Phụ lục I Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và Phụ lục 22 Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15	1. Rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch động vật tại Phụ lục I Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT và Phụ lục 22 Thông tư số	Quý IV/2018

			tháng 11 năm 2017 ban hành bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cho diện hàng hóa phải kiểm dịch động vật quá rộng, quá mức cần thiết (chỉ nên kiểm dịch đối với các sản phẩm tươi sống hoặc sơ chế). 2. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm, thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP với nhiều quy định mới. Do vậy, nội dung quy định tại Thông tư không còn phù hợp. 3. Thức ăn chăn nuôi nhập khẩu vừa phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch (đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi thuộc Danh mục phải kiểm dịch) do hai cơ quan (Cục Thú y/Tổng cục Thủy sản và Cục Chăn nuôi) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra.	24/2017/TT-BNNPTNT theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP: Chỉ kiểm dịch đối với các sản phẩm tươi sống hoặc sơ chế. 2. Ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. 3. Giao cơ quan kiểm dịch thực hiện kiểm dịch và kiểm tra chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi.	
3	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016; Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	1. Danh mục hàng hóa phải kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản còn rộng, nhiều mặt hàng đã qua chế biến sâu cũng thuộc diện phải kiểm dịch như các loại thủy sản hun khói, đồ hộp...; tại danh mục chưa định danh rõ các mặt hàng thuộc mã hàng “loại khác” của “loại khác”. 2. Giống thủy sản nhập khẩu vừa phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch do hai cơ quan (Cục Thú y và Tổng cục Thủy sản) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra.	1. Rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm dịch thủy sản tại Phụ lục 23 Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT, như các mặt hàng đã qua chế biến sâu; các mặt hàng thuộc mã hàng "loại khác" của "loại khác". Định danh rõ các mặt hàng thuộc mã hàng "loại khác" của	Quý IV/2018

				"loại khác". 2. Giao cơ quan kiểm dịch thực hiện kiểm dịch và kiểm tra chất lượng đối với giống thủy sản nhập khẩu.	
4	Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015	Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng	Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT quy định lô giống cây trồng nhóm 2 nhập khẩu phải nộp cho cơ quan hải quan Giấy chứng nhận hợp quy để cơ quan hải quan thực hiện việc thông quan lô giống nhập khẩu. Như vậy, mỗi lô giống nhập khẩu đều phải thực hiện chứng nhận hợp quy.	Quy định việc chứng nhận hợp quy chỉ áp dụng đối với lô giống lần đầu nhập khẩu	Quý IV/2018
5	Thông tư số 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2015	Hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm, thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP với nhiều quy định mới. Do vậy, nội dung quy định tại Thông tư không còn phù hợp.	Ban hành Thông tư thay thế, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP	Quý IV/2018
6	Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017	Hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối. Căn cứ quy định việc kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu được thực hiện trước khi đưa muối vào sử dụng, lưu thông trên thị trường, tại Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT quy định việc kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu thực hiện trước khi thông quan. - Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm, thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP với nhiều	- Đề nghị chuyển việc kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu sang kiểm tra sau thông quan để phù hợp với quy định tại Nghị định số 40/2017/NĐ-CP. - Sửa đổi phù hợp quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Quý IV/2018

			quy định mới. Do vậy, nội dung quy định về kiểm tra an toàn thực phẩm tại Thông tư không còn phù hợp.		
7	Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT	Ban hành Bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP phân công Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiện Bộ NN&PTNT chưa ban hành Danh mục các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP mà vẫn đang áp dụng theo Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT (được ban hành theo Nghị định số 38/2012/NĐ-CP nay đã hết hiệu lực). Tuy nhiên, Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT không có Danh mục hàng hóa có nguồn gốc từ động vật phải kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.	Bộ NN&PTNT ban hành các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trong đó bao gồm Danh mục hàng hóa có nguồn gốc động vật phải kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm.	Quý IV/2018
8	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP	Về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	1. Tại điểm b mục 14 Phần III Nghị quyết 19-2018/NQ-CP giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Nghiên cứu áp dụng quy định về miễn công bố hợp quy tại khoản 2 Điều 4, về miễn kiểm tra chất lượng tại các khoản từ 1 đến 7 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm trong quản lý chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi”. 2. Tại Điều 9 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP quy định “Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải có hoặc thuê kho bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo quản đảm	1. Sửa đổi quy định về miễn công bố hợp quy và miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi tại Nghị định số 39/2017/NĐ-CP theo chỉ đạo tại Nghị quyết 19-2018/NQ-CP. 2. Quy định cơ quan kiểm tra điều kiện kho, bãi nếu cần duy trì quy định này. Trường hợp không cần thiết thì bãi bỏ quy định này. 3. Bỏ quy định	Quý IV/2018

			bảo chất lượng hàng hóa, bảo vệ môi trường và theo khuyến cáo của nhà sản xuất”. Tuy nhiên chưa có quy định cơ quan thực hiện kiểm tra điều kiện này. Quy định này khó thực hiện, không khả thi, phát sinh thêm thủ tục xác nhận điều kiện. 3. Tại Điều 13 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP quy định các trường hợp thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành nhập khẩu để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu phải có giấy phép nhập khẩu. Quy định này là không cần thiết, làm phát sinh thêm cơ chế xin - cho giấy phép. Ngoài ra cơ quan hải quan đã có quy định riêng về quản lý hàng nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu.	phải có Giấy phép nhập khẩu đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu tại Điều 13.	
III. BỘ Y TẾ					
1	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm	Về quy định áp dụng phương thức kiểm tra giảm: Tại Điều 16, 18, 19 Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định phương thức kiểm tra giảm áp dụng tối đa 5% trên tổng số lô hàng nhập khẩu trong vòng 01 năm do cơ quan hải quan lựa chọn ngẫu nhiên và thực hiện kiểm tra hồ sơ. Quy định này hiện chưa thể thực hiện được bởi các lý do sau: - Để xác định được số lượng 5% tổng số lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm cần có dữ liệu thống kê về tổng số lô hàng nhập khẩu trong vòng 01 năm tính từ ngày Nghị định số 15/2018/NĐ-CP có hiệu lực. - Tại khoản 1 Điều 18 Nghị định	Để triển khai thực hiện quy định về phương thức kiểm tra giảm tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đề nghị: 1. Các bộ chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu các tổ chức, cá nhân, sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện được áp dụng phương thức kiểm tra giảm, cung cấp cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan đưa vào hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử, áp dụng chế độ	Quý IV/2018

			số 15/2018/NĐ-CP chưa quy định cụ thể một số giấy tờ phải nộp là bản chính hay bản sao có chứng thực hay bản photo có xác nhận của doanh nghiệp, số lượng bao nhiêu như: Bản tự công bố sản phẩm, 03 Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu liên tiếp theo phương thức kiểm tra thông thường. - Đối với các lô hàng nhập khẩu, để được áp dụng phương thức kiểm tra giảm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 17. Tuy nhiên, cơ quan hải quan không có thông tin dữ liệu về các lô hàng đáp ứng được các điều kiện này.	tự động kiểm tra, không yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp cho từng lần làm thủ tục nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan. Trong khi chờ xây dựng cơ sở dữ liệu, đề nghị cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, và Bộ Công Thương thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân, sản phẩm được áp dụng phương thức kiểm tra giảm để cơ quan hải quan giải quyết thủ tục thông quan theo quy định của pháp luật hải quan. 2. Trong khi chưa có cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, kiến nghị áp dụng 5% theo từng doanh nghiệp, không tính tổng số lô hàng	
2	Thông tư số 31/2017/TT-BYT ngày 25/07/2017	Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc phạm vi được phân công quản lý của Bộ Y tế	Bộ Y tế chưa ban hành quy trình, thủ tục, cơ quan thực hiện kiểm tra về tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra đối với nhóm hàng phương tiện tránh thai và thiết bị y học cổ truyền.	Bộ Y tế ban hành quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm tra, chỉ định cơ quan thực hiện kiểm tra đối với nhóm hàng phương tiện tránh thai và thiết bị y học cổ truyền;	Quý IV/2018

				công bố mã số HS đối với 02 nhóm hàng này.	
3	Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15/5/2018	Ban hành Danh mục trang thiết bị y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chính sách quản lý khác nhau đối với trang thiết bị y tế loại A, B, C hay D. Tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT, Bộ Y tế đã ban hành Danh mục trang thiết bị y tế kèm mã số HS, tuy nhiên, tại Danh mục chưa quy định cụ thể mặt hàng trang thiết bị y tế nào là trang thiết bị y tế loại A, B, C hay D. Do vậy, rất khó trong quá trình thực hiện, thiếu minh bạch.	Quy định cụ thể các mặt hàng trang thiết bị y tế thuộc loại A, B, C, hay D để minh bạch thông tin, thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ quan thực hiện.	Quý IV/2018

IV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	1. Quy định miễn kiểm tra chất lượng và công bố hợp quy tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP không thống nhất với Nghị định số 15/2018/NĐ-CP: Theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP thì chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu được miễn kiểm tra chất lượng. Trong khi, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu thụ nội địa. 2. Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) quy định ba phương thức thực hiện kiểm tra chất lượng đối với phương thức thực hiện kiểm tra chất lượng. Đến nay, ngoài Bộ Khoa học và Công nghệ đã quy định phương thức kiểm tra đối với từng nhóm mặt hàng (tại Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN), các bộ,	1. Sửa đổi quy định miễn công bố hợp quy và kiểm tra chất lượng tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, theo đó bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, đôn đốc các bộ, ngành ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 kèm phương thức kiểm tra phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định	Quý IV/2018
---	---	---	--	---	-------------

			ngành khác chưa có quy định. 3. Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) quy định đối với trường hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa được thực hiện dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật, người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa. Việc quy định doanh nghiệp phải nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.	số 74/2018/NĐ-CP. 3. Đề nghị nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.	
2	Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa	Danh mục hàng hóa nhóm 2 của Bộ Khoa học và Công nghệ (tại Quyết định số 3482/QĐ-BKHCN ngày 08/12/2017) chỉ quy định 21 dòng hàng phải thực hiện kiểm tra chất lượng trước thông quan còn lại là kiểm tra sau thông quan. Tuy nhiên theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN thì doanh nghiệp phải nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng đối với những hàng hóa phải kiểm tra chất lượng sau thông quan. Việc doanh nghiệp phải nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng nêu trên vẫn phát sinh thủ	Đề nghị nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.	Quý IV/2018

		học và Công nghệ	tục kiểm tra chuyên ngành để được thông quan hàng hóa.		
V. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI					
1	Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017	Quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định. Quy định này làm phát sinh thêm thời gian thông quan, tăng chi phí lưu kho, phí kiểm tra chất lượng (phí kiểm tra chất lượng khí thải). Cùng là một mẫu xe nhưng thuộc các lô hàng khác nhau nên vẫn phải kiểm tra.	Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy trình kiểm tra theo hướng áp dụng quản lý trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Theo đó, chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe đối với tất cả các lô hàng thay vì áp dụng cho từng lô xe nhập khẩu.	Quý IV/2018
2	Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018	Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải	Mặt hàng ô tô thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm tra chất lượng trước khi thông quan. Tuy nhiên, mặt hàng này còn phải chịu sự quản lý của cơ quan công an (đăng ký lưu hành trước khi đưa ra lưu thông). Do vậy, không cần quy định phải kiểm tra trước thông quan.	Chuyển kiểm tra chất lượng mặt hàng ô tô sang sau thông quan	Quý IV/2018
VI. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014	Quy định Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất của Chính phủ	Hiện nay, chưa có đầy đủ quy chuẩn quốc gia đối với phế liệu nhập khẩu (Hiện mới ban hành QCVN đối với phế liệu sắt, thép, nhựa, giấy nhập khẩu tại Thông tư số 43/2010/TT-BTNMT)	Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành đầy đủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để áp dụng đối với các phế liệu chưa có QCVN, trường hợp mặt hàng phế liệu chưa có quy	Quý II/2018

				chuẩn kỹ thuật quốc gia thì không cho phép nhập khẩu.	
2	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015	Về quản lý chất thải và phế liệu	Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định thời gian ký quỹ nhập khẩu phế liệu ít nhất 15 ngày làm việc trước khi tiến hành thủ tục thông quan. Quy định này không phù hợp với các tuyến vận tải gần, thời gian vận chuyển ngắn (như Hồng Kông, Nhật Bản là các thị trường nhập khẩu chính)	Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi theo hướng việc ký quỹ được thực hiện ngay sau khi vận tải đơn được phát hành hoặc trước khi làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa	Quý IV/2018
3	Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015	Về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	Vấn đề hình thức đóng gói phế liệu thép: Theo QCVN 31:2010/BTNMT về phế liệu thép thì không có quy định không được đóng thành bánh, ép thành khối, nhưng tại Danh mục 8, Phụ lục 1 Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT lại quy định: “Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, phoi cắt và bavaria, chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó” dẫn đến sự hiểu biết, giải thích khác nhau giữa những người thực hiện, hậu quả là mỗi nơi áp dụng mỗi khác, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.	Sửa đổi Danh mục 8, Phụ lục 1 Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT theo hướng không hạn chế việc phế liệu thép nhập khẩu đóng thành bánh, khối, kiện để tối ưu hóa việc vận chuyển, giảm chi phí vận tải cho doanh nghiệp.	Quý IV/2018

VII. BỘ XÂY DỰNG

1	Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 28/9/2017	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy	1. Điểm b khoản 5 Điều 7 quy định "Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan Hải quan tại cửa khẩu bản đăng ký chứng nhận hợp quy có xác nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy do Bộ Xây dựng chỉ định để thông quan hàng hóa". Tuy nhiên, đây chưa phải là kết quả kiểm tra và làm phát sinh thủ	1. Sửa nội dung quy định điểm b khoản 5 Điều 7, không yêu cầu các tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan Hải quan tại	Quý IV/2018
---	---	---	---	--	-------------

			tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp tại khâu thông quan. 2. Tại Thông tư chưa ban hành đầy đủ mã số HS đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.	cửa khẩu bản đăng ký chứng nhận hợp quy có xác nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy do Bộ Xây dựng chỉ định để thông quan hàng hóa. 2. Ban hành đầy đủ mã số HS đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC	
--	--	--	---	--	--

VIII. BỘ QUỐC PHÒNG

1	Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 08/3/2008	Về việc quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ	Chưa quy định cụ thể thủ tục cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.	Quy định cụ thể thủ tục cấp phép, công bố cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.	Quý IV/2019
---	---	---	--	---	-------------

IX. BỘ CÔNG AN

1	Thông tư số 14/2012/TT-BCA ngày 20/3/2012	Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an	1. Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 nhưng chưa quy định quy trình, thủ tục, cơ quan thực hiện kiểm tra, thời điểm kiểm tra (trước hay sau thông quan). 2. Danh mục hàng hóa nhóm 2 chưa có mã số HS.	1. Ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, trong đó có đầy đủ quy trình kiểm tra, tên cơ quan kiểm tra, chế độ miễn giảm kiểm tra, xử lý vi phạm v.v... để	Quý IV/2018
---	---	---	--	---	-------------

				thực hiện thống nhất. 2. Rà soát Danh mục theo hướng thu hẹp mặt hàng phải kiểm tra trước khi thông quan, chuyển mạnh sang hậu kiểm, xây dựng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa phải kiểm tra trước khi thông quan phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.	
2	Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014	Quy định về đăng ký xe	Tại mục 9 Phần III Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP giao Bộ Công an: “Sửa đổi quy định về hồ sơ đăng ký lưu hành xe ô tô, xe gắn máy theo hướng bãi bỏ việc nộp tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe gắn máy nhập khẩu”.	Bãi bỏ yêu cầu phải nộp tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe gắn máy nhập khẩu trong bộ hồ sơ đăng ký lưu hành theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP.	Quý IV/2018

X. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1	Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014	Quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	1. Tại Thông tư đã ban hành Danh mục hàng hóa kèm mã số HS nhưng chưa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC. 2. Chưa cắt giảm, giảm tỷ lệ hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành.	1. Đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa và mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài	Quý IV/2018
---	--	---	---	--	-------------

				chính.	
				2. Rà soát cắt giảm những mặt hàng không quá nhạy cảm nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.	
XI. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
1	Thông tư số 51/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với cần trục	Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 03/2010/TT-BLĐTBXH ngày 19/01/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 ban hành kèm theo Thông tư này chỉ áp dụng trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành một số Thông tư về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với một số mặt hàng như (cần trục tại Thông tư số 51/2016/TT-BLĐTBXH; thang máy điện tại Thông tư số 48/2016/TT-BLĐTBXH) theo đó, các mặt hàng nêu tại Thông tư phải được kiểm tra chất lượng (chứng nhận hợp quy) khi nhập khẩu, cụ thể:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội luật hóa các hướng dẫn tại công văn số 16/ATLĐ-QCKĐ để làm cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất.	
2	Thông tư số 48/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thang máy điện không buồng máy	- Tại điểm 3.3.2 Thông tư số 48/2016/TT-BLĐTBXH quy định: “Thang máy khi nhập khẩu phải được chứng nhận hợp quy theo quy định tại mục 4.1.2 của quy chuẩn này”. - Tại điểm 3.3.3 Thông tư số 51/2016/TT-BLĐTBXH quy định: “Được miễn kiểm tra nhập khẩu trong trường hợp nhập khẩu mà theo thỏa thuận song phương, đa phương giữa cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước		Quý IV/2018

		xuất khẩu cần trực quy định không phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu”. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có công văn số 16/ATLĐ-QCKĐ ngày 11/01/2018 hướng dẫn: một số Thông tư về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với một số mặt hàng như cần trục (tại Thông tư số 51/2016/TT-BLĐTBXH; thang máy điện (tại Thông tư số 48/2016/TT-BLĐTBXH), quy định về hoạt động công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy, không phải là quy định hồ sơ, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Vì vậy, người nhập khẩu không phải xuất trình giấy chứng nhận hợp quy cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu các mặt hàng nêu trên.	
--	--	---	--

NHÓM HÀNG HÓA CÁC BỘ, NGÀNH PHẢI BAN HÀNH QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

TT	Bộ, ngành	Tổng số nhóm hàng hóa	Quy chuẩn, tiêu chuẩn					Tên nhóm hàng phải ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn
			Tổng số nhóm hàng đã ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn	Tổng số nhóm hàng chưa ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn	Quy chuẩn, tiêu chuẩn nhóm hàng phải kiểm tra trước thông quan			
					Phải ban hành	Đã ban hành	Chưa ban hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Theo Luật An toàn thực phẩm								
1	Bộ Công	8	7	1	8	7	1	Dụng cụ vật liệu bao gói, chứa đựng

	Thương							thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	-	-	-	Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa cụ thể, đầy đủ nên không thống kê được
II Theo Luật Chất lượng năm 2007								
	Bộ Y tế	6	4	2	6	4	2	- Thiết bị y học cổ truyền - Phương tiện tránh thai
III Theo Luật Bảo vệ môi trường								
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	36	18	18	36	18	18	- Thạch cao. - Xi hạt nhỏ (xi cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép. - Các nguyên tố hóa học đã được kích tạt dùng trong điện tử, ở dạng đĩa, tấm mỏng, hoặc các dạng tương tự. - Tơ tấm phế liệu (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế). - Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối. - Đồng phế liệu và mảnh vụn. - Niken phế liệu và mảnh vụn. - Nhôm phế liệu và mảnh vụn. - Kẽm phế liệu và mảnh vụn. - Phế liệu và mảnh vụn thiếc. - Vonfram phế liệu và mảnh vụn.

								- Molypden phế liệu và mảnh vụn. - Magie phế liệu và mảnh vụn. - Titan phế liệu và mảnh vụn. - Zircon phế liệu và mảnh vụn. - Antimon phế liệu và mảnh vụn. - Mangan phế liệu và mảnh vụn. - Crom phế liệu và mảnh vụn.
IV Theo Luật Thú y								
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	39	1	40	39	1	Sản phẩm động vật thủy sản: Phôi, trứng, tinh trùng và ấu trùng các loại thủy sản
	Tổng	90	68	22	90	68	22	Số liệu tổng chưa bao gồm các mặt hàng thuộc diện kiểm tra an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN QUẢN LÝ, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH PHẢI BAN HÀNH KÈM THEO MÃ HS

Bộ, ngành	Danh mục hàng hóa phải ban hành				Văn bản quy định chính sách quản lý
	STT	Tên/Danh mục hàng hóa	Danh mục (*)	Mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bộ Y tế	1	Dược liệu thuộc danh mục loài,		X	- Luật Dược (Điều 32,

	chủng loại dược liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát			36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Điều 57, 58, 59; Điều 63; điểm b khoản 1 Điều 92)
2	Thuốc phải kiểm soát đặc biệt không vì mục đích thương mại		X	- Luật Dược (Điều 32, 36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Khoản 1 Điều 60)
3	Thuốc phải kiểm soát đặc biệt		X	- Luật Dược (Điều 32, 36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Điều 61, 62)
4	- Thuốc có chứa dược chất chưa có Giấy đăng ký lưu hành thuốc, thuốc có chứa dược liệu lần đầu sử dụng tại Việt Nam. - Thuốc có chứa dược chất đã có Giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu điều trị và thuốc có chứa dược liệu đã từng sử dụng làm thuốc tại Việt Nam nhưng thuốc chưa đáp ứng đủ nhu cầu điều trị. - Thuốc đáp ứng nhu cầu cấp bách cho quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. - Thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt. - Thuốc có cùng tên thương mại, thành phần hoạt chất, hàm lượng hoặc nồng độ, dạng bào chế với biệt dược gốc có Giấy		X	- Luật Dược (Điều 32, 36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Điều 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74)

		đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam, được sản xuất bởi chính nhà sản xuất biệt dược gốc hoặc bởi nhà sản xuất được ủy quyền, có giá thấp hơn so với thuốc biệt dược gốc lưu hành tại Việt Nam. - Thuốc phục vụ cho chương trình y tế của Nhà nước. - Thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo. - Thuốc dùng cho mục đích thử lâm sàng, thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng, làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học. - Thuốc để tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ.			
	5	Thuốc không vì mục đích thương mại		X	- Luật Dược (Điều 32, 36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Điều 75)
	6	Phương tiện tránh thai và thiết bị y học cổ truyền		X	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Điều 34) Thông tư số 31/2017/TT-BYT
	7	Mẫu bệnh phẩm	X	X	Thông tư số 43/2011/TT-BYT ngày 05/12/2011 (Khoản 1, 2 Điều 13)
Bộ Công an	1	Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BCA ngày 20/3/2012		X	- Thông tư số 14/2012/TT-BCA ngày 20/3/2012 (Điều 2) - Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa (Khoản 4 Điều 34, khoản 3 Điều 27, khoản 1 Điều 45 và

					tiết g Điều 70)
	2	Pháo hoa, thuốc pháo hoa, thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa	X	X	- Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 (Điều 5, 6, 9) - Thông tư số 08/2010/TT-BCA ngày 05/2/2010 (Điều 8)
	3	Mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần	X	X	Thông tư số 57/2012/TT-BCA ngày 18/9/2012 (Điều 5)
Bộ Khoa học và Công nghệ	1	Chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân	X	X	- Luật Năng lượng nguyên tử 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008 (Điều 65, 66, 67); - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCHN ngày 22/7/2010 (Điều 16, 17).
	2	Phương tiện đo nhóm 2 theo Thông tư 28/2013/TT-BKHCHN	X	X	Thông tư số 28/2013/TT-BKHCHN ngày 17/12/2013 (khoản 1 Điều 9); Thông tư số 23/2013/TT-BKHCHN ngày 26/9/2013.
	3	Hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo Thông tư 28/2013/TT-BKHCHN (Hàng đóng gói sẵn theo định lượng)	X	X	Thông tư số 28/2013/TT-BKHCHN ngày 17/12/2013 (Khoản 2 Điều 9); Thông tư số 21/2014/TT-BKHCHN ngày 15/7/2014; Công văn số 1694/TĐC-ĐL ngày 09/9/2014
Ngân hàng Nhà nước	1	Vàng nguyên liệu	X	X	- Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/05/2012 (Điều 3); - Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 (Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2012/TT-NHNN); - Thông tư số

					03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017
Bộ Quốc phòng	1	Tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ	X	X	- Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 (Điều 4); - Nghị định hợp nhất 12/NĐHN-BQP ngày 25/7/2013
Bộ Công Thương	1	Thiết bị, phương tiện nhập khẩu áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu		X	- Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 (Điều 1, Điều 3); - Quyết định số 78/2013/QĐ-TTg ngày 25/12/2013 - Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04/4/2012 (Điều 8)
	2	Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn Phụ lục I Thông tư 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT		X	Thông tư số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 (điểm d khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 6)
	3	Tiền chất thuốc nổ - Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76/2014/NĐ-CP; - Quyết định số 3648/QĐ-BCT ngày 08/09/2016 (mục 2 Phụ lục). - Quyết định số 5051/QĐ-BCT ngày 26/12/2016 (mục 2 Phụ lục)		X	- Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 (Khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 14, khoản 3b Điều 15); - Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BCT ngày 12/01/2017 (Khoản 1c Điều 16)
	4	Vật liệu nổ công nghiệp - Thông tư 45/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013; - Thông tư 03/2006/QĐ-BCN		X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Hoa; - Thông tư số 11/2015/TT-BCT (Khoản

	ngày 14/03/2006			2 Điều 6)
5	Khoáng sản xuất khẩu Thông tư 12/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 (Phụ lục I)		X	Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 5/7/2016 (Điều 1 sửa đổi Điều 5 Thông tư số 41/2012/TT-BCT).
6	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá (Phụ lục 80 Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013)		X	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP (Điều 34)
7	Hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 4 của Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Lào		X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Lào (Khoản 3 Điều 4); - Luật Thương mại; - Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04/8/2009 (Điều 1) được sửa đổi bởi Thông tư 06/2017/TT-BCT ngày 25/5/2017.
8	Phụ lục 1, 2, 3 của Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia		X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia; - Luật Thương mại; - Thông tư số 27/2014/TT-BCT (Điều 3)
9	Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu		X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Hoa; - Thông tư số 11/2015/TT-BCT (Điều 3, Điều 5, Điều 6).
10	Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 của Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu than		X	Thông tư số 15/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 (Khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 5)
11	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền	X	X	Thông tư số 22/2013/TT-

	chất thuốc nổ			BQP ngày 11/03/2015 (Điều 7, Điều 22)
12	Gạo	X	X	- Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 (Điều 17) - Thông tư số 44/2010/TT-BCT ngày 31/12/2010 (Điều 3).
13	Rượu	X	X	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 (khoản 3 Điều 30, Điều 34)
14	Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ mục đích an ninh quốc phòng của Lào qua Việt Nam	X	X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Lào (Khoản 2 Điều 4); - Luật Thương mại; - Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04/8/2009; - Thông tư số 06/2017/TT-BCT ngày 25/5/2017 (Điều 1).
15	Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ mục đích an ninh quốc phòng của Campuchia qua Việt Nam	X	X	- Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia (Điều 4); - Luật Thương mại; - Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04/09/2014 (Điều 1)
16	Xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu	X	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 (Điều 7, Điều 35); - Thông tư số 38/2014/TT-BCT (Điều 6).

17	Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá do Bộ Công Thương cấp	X	X	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP (điểm d khoản 2 Điều 36); - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 (Điều 4).
18	Vật liệu nổ công nghiệp	X	X	Thông tư số 45/2013/TT- BCT ngày 31/12/2013 (Khoản 4 Điều 3)
19	Khoáng sản xuất khẩu trong một số trường hợp đặc biệt	X	X	- Thông tư số 41/2012/TT-BCT (Điều 5). - Thông tư số 12/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 (Điều 1)
20	Tinh dầu xá xị (Sassafras Oil)	X	X	Văn bản hợp nhất 05/VBHN-BCT ngày 23/01/2014 (Điều 2)
21	Kim cương thô	X	X	Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BCT ngày 23/01/2014 (Điều 5, Điều 12)
22	LPG/LNG/CNG	X	X	- Nghị định số 19/2016/NĐ-CP (Khoản 3 Điều 19, Khoản 2 Điều 35); - Thông tư số 03/2016/TT-BCT (Điều 7)
23	Xăng dầu (Xăng động cơ, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút, nhiên liệu bay; nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu động cơ, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên)	X	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 09/4/2014 (Điều 7, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 35); - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 (Điều 1, Điều 2)

				- Thông tư số 38/2014/TT-BCT (Điều 6).
24	Nguyên liệu để sản xuất và pha chế xăng dầu (Dầu thô, sản phẩm, bán thành phẩm xăng dầu, phụ gia và các chế phẩm khác)	X	X	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 09/4/2014 (Điều 7, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 35); - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 (Điều 1, Điều 2) - Thông tư số 38/2014/TT-BCT (Điều 6).
25	Khí chuyên dùng cho nhu cầu riêng	X	X	- Thông tư số 03/2016/TT-BCT (Điều 5) - Thông tư số 69/2016/TT-BTC (Điều 7).
26	LPG/LNG	X	X	- Thông tư số 03/2016/TT-BCT (Điều 6) - Thông tư số 69/2016/TT-BTC (Điều 7).
27	Hàng hóa nhập khẩu của thương nhân biên giới Việt - Lào (Văn bản xác nhận hàng hóa theo dự án của nhà đầu tư Việt Nam)	X	X	Thông tư số 10/2016/TT-BCT ngày 01/7/2016 (Khoản 2 Điều 5)
28	Hàng hóa nhập khẩu của thương nhân biên giới Việt - Lào (Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Lào về kiểm dịch y tế, động vật, thực vật, thủy sản, kiểm tra chất lượng và kiểm soát về an toàn thực phẩm)	X	X	- Thông tư số 10/2016/TT-BCT ngày 01/7/2016 (Khoản 2 Điều 5); - Hiệp định thương mại biên giới Việt -Lào (Khoản 2 Điều 13)

Bộ Giao thông vận tải	1	Phương tiện giao thông đường sắt	X	X	Luật Đường sắt 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017 (Điều 34)
	2	Tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	X	X	- Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 (Tiết a khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7); - Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 (Điều 79); - Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 (Khoản 48 Điều 1); - Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27/03/2015 (Điều 26).
	3	Phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia đi lại nhiều lần	X	X	Thông tư liên tịch 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA ngày 31/3/2006 (Điểm 1 Mục III)
	4	Ô tô chở người dưới 16 chỗ đã qua sử dụng	X	X	Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA (Điểm 1 Mục III)
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt (Phụ lục 1 Quyết định số 79/2005/QĐ-BNN)		X	Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT (điểm a khoản 2 Điều 13)
	2	Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 Quyết định số 79/2005/QĐ-BNN)		X	Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT (điểm a khoản 2 Điều 13)
	3	Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn để phục		X	Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT (khoản 1

		vụ nghiên cứu khoa học hoặc các mục đích đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định số 88/2005/QĐ-BNN và Thông tư số 06/2012/TT-BNNPTNT)			Điều 14)
	4	Tinh, phôi, môi trường pha loãng bảo tồn tinh giống vật nuôi (khoản 2 Điều 17 Thông tư 04);	X	X	Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 (Điều 17, 18)
	5	Nguyên liệu thuốc thú y	X	X	Luật Thú y 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 (khoản 3 Điều 100, khoản 3 Điều 78)
	6	Gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ	X	X	- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 (Khoản 1 Điều 8); - Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012; - Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015.
Tổng	53				

Ghi chú: (*) là hàng hóa được quy định chính sách quản lý tại các văn bản nêu ở cột số (6) nhưng chưa được các bộ, ngành xây dựng Danh mục hàng hóa cụ thể. Do vậy, các bộ, ngành phải ban hành Danh mục hàng hóa kèm mã số HS cho phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC.